

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+P9+P10	7:25	1+8+12	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
2		RP1+P9+TD3	7:25	0+2+16	0+0+0		1+2+19	0+0+0	chuyen 2 Rp1- p9
3		TD5+P4	9:25	17+5	0+0		13+9	0+0	
4		TD5+CLO+BK3	9:25	13+8+0	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
5		TD2+PPD+BK6	11:25	17+1+0	0+0+0		0+17+0	0+0+0	chuyen 1 P2- bk6

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK4 - P9 - P10	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3673	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HUY HOANG	BK4	26-27	2	18	2	9	82	CODIEN	Vietnamese
2	LE LANG TU	P9	05	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRONG ĐỨC	P9	49	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH HUY KHIEM	P9	14,11	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU NAM GIANG	P9	04	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO HUNG HAI	P9	07-08	2	15			72	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CUONG	P9	15	1	4			56	PSV	Vietnamese
8	PHAM PHU BINH	P9	10	1	6			67	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN DAT	P9	12	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
10	VU PHUONG HUONG	P10	66	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
11	DO LEMH DAO	P10	71	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	P10	68	1	10	2	30	94	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGOC NAM	P10	72	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HUAN	P10	76	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN BAO TOAN	P10	69	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH CONG VAN	P10	70	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
17	VO THANH DANH	P10	75	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN MINH TUAN	P10	74	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG SY NGUYEN	P10	73	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
20	THIEU VAN LONG	P10	67	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	1	82	2	18	2	9	0		
2	P9	8	538	10	58	0	0	8		
3	P10	11	807	11	73	2	30	14		
TOTAL		20	1.427	23	149	4	39	22		
WEIGHT KG			1.427		149		39			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEM

CREW

LUU THANH HAI

LÊ TRUNG HIẾU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP1 - P9 - TD3	CREW: KHOÀN - N.CU'ONG - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3670	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HACINI ABDELHAMID	P9	38	1	9			66	THIEN NAM	Algeria
2	HAMZA REDJAI	P9	34	1	15			115	THIEN NAM	Algeria
3	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	85-86	2	12	7	130	78	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	95	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	93	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
6	BUI CÔNG SƠN	TD3	99,800	2	9			70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN LY	TD3	97	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ THANH HẢI	TD3	94	1	10			103	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUNG	TD3	92	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUÂN CUÔNG	TD3	96	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CAO HOANG	TD3	87	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TIẾN DŨNG	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	98	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN QUÂN	TD3	88-89	2	18			72	KHOAN	Vietnamese
15	LŨU ĐÌNH MINH	TD3	82-84	3	19			83	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ HỮU TÂN	TD3	80-81	2	14			78	DVL	Vietnamese
17	LUƠNG XUÂN ĐUỐC	TD3	91	1	4			66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TUẤN HẢI	TD3	90	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	0	0	0	0	0	0	1+2		CHUYEN 2 PAX RP1-P9
2	P9	2	181	2	24	0	0	2		
3	TD3	16	1.165	21	130	7	130	19		
TOTAL		18	1.346	23	154	7	130	22		
WEIGHT KG			1.346		154		130			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

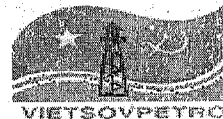
CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - P4 - BK3	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3674	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CAO Y THUAN	TD5	27	1	16	1	18	71	LONG VU	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DAT	TD5	32	1	4			81	LONG VU	Vietnamese
3	DO DUY PHAT	TD5	33	1	7			60	LONG VU	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG TU	TD5	24	1	7			73	DUY LINH	Vietnamese
5	PHAM XUAN THE	TD5	21-22	2	16			59	DUY LINH	Vietnamese
6	ĐANG TRỌNG DUONG	TD5	23	1	11			64	DUY LINH	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEU	TD5	25-26	2	15			80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	43	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
9	VUONG DUC ANH	TD5	39	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
10	LE NGOC HOA	TD5	40	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TINH	TD5	36	1	8			65	ĐANG KIEN	Vietnamese
12	VU HUU QUYET	TD5	34-35	2	16			71	ĐANG KIEN	Vietnamese
13	NGUYEN TRIEU VU	TD5	37	1	8			80	LONG VU	Vietnamese
14	NGUYEN LE SON	TD5	29	1	5			63	LONG VU	Vietnamese
15	HUYNH THANH TOAN	TD5	28	1	8			77	LONG VU	Vietnamese
16	HUYNH VAN THANG	TD5	41-42	2	15			71	LONG VU	Vietnamese
17	NGUYEN THANH DIEN	TD5	30-31	2	16			63	LONG VU	Vietnamese
18	VU VAN TIEN	P4	53	1	7	2	35	66	PSV	Vietnamese
19	TRAN THANH LIEM	P4	48-49	2	12			68	PSV	Vietnamese
20	BUI VAN MUOI	P4	50-52	3	16			57	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN DONG	P4	55-56	2	11			62	PSV	Vietnamese
22	TRAN TRUNG KIEN	P4	54	1	4			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	17	1.204	22	177	1	18	4		
2	P4	5	320	9	50	2	35	9		
3	BK3	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.524	31	227	3	53	21		
WEIGHT KG			1.524		227		53			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI

Lê Trung Hiếu



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 23/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD5 - CLO - BK14	CREW: KHOAN - N.CUONG - THANH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3671	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DO VAN HUNG	TD5	19	1	6	2	40	73	KHOAN	Vietnamese
2	BAO NGUYEN LOC	TD5	59	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN HIEN	TD5	49	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM TIEN VINH	TD5	48	1	14			82	KHOAN	Vietnamese
5	PODKATILIN A.N	TD5	57	1	8			82	KHOAN	Russian
6	PHAM VAN LUAN	TD5	20	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	50	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEN	TD5	60	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN CHUNG	TD5	54-56	3	20			69	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYEN NHAT NAM	TD5	51-52	2	15			68	DUY LINH	Vietnamese
11	TRAN DAC THANG	TD5	58	1	4			73	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TAN	TD5	53	1	5			71	PSV	Vietnamese
13	CAO TRONG TIEN	CLO	05	1	7	3	50	66	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYEN NHAT PHUOC	CLO	81-82	2	13			62	DMC-MI	Vietnamese
15	NGUYEN MINH THUAN	CLO	06,80	2	10			61	DMC-MI	Vietnamese
16	PHAN NHAT TUNG	CLO	03	1	5			84	DMC-MI	Vietnamese
17	SEMOV ALEKSEI B.	CLO	04	1	10			107	KHOAN	Russian
18	TRAN THE NGUYEN	CLO	98	1	7			75	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VAN TUAN	CLO	99,700	2	14			87	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DUC THANH	CLO	25	1	8			73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC THACH	CLO	01	1	6			60	D-HANH	Vietnamese
22	LE VAN HUNG	CLO	02	1	5			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	12	846	15	92	2	40	11		
2	CLO	10	736	13	85	3	50	4		
3	BK14	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.582	28	177	5	90	19		
WEIGHT KG			1.582		177		90			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO:TD2 - PPD - BK6	CREW: QVIỆT - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/3672	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ARKADIY PERMIAKOV	TD2	61-63	3	17	1	18	87	NOVOMET	Russian
2	ARTUR NABIEV	TD2	57-58	2	24	1	12	86	NOVOMET	Russian
3	MIKHAIL BAKIN	TD2	64	1	20			101	NOVOMET	Russian
4	MIKHAIL DERNOV	TD2	59-60	2	20			63	NOVOMET	Russian
5	MAN ĐÌNH NHIÊN	TD2	50-51	2	14			74	NOVOMET	Vietnamese
6	NGÔ VĂN LINH	TD2	52	1	5			63	NOVOMET	Vietnamese
7	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	TD2	53	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH LUÂN	TD2	54	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN GIA CUÔNG	TD2	65	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN VŨ	TD2	48	1	8			73	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUƠNG	TD2	40-41	2	15			68	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	43	1	7			55	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH TRUNG	TD2	42	1	8			80	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	TD2	55-56	2	17			88	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN THẾ LONG	TD2	49	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÀO MINH HAI	TD2	46-47	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ THẾ LONG	TD2	44-45	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ANH TUẤN	PPD	71	1	7	1	20	63	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VŨ CA	PPD	72	1	9			71	BIEN DONG	Vietnamese
20	BUI VĂN HÀ	PPD	73-74	2	10			65	BIEN DONG	Vietnamese
21	PHAN ĐÌNH KIẾN	PPD	75-76	2	18			57	BIEN DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	17	1.246	26	241	2	30	0		
2	PPD	4	256	6	44	1	20	17+1	CHUYEN 01 PAX P2 - BK6	
3	BK6	0	0	0	0	0	12	0		
TOTAL		21	1.502	32	285	4	62	17		
WEIGHT KG			1.502		285		62			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO